

Phụ lục I
MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC
PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDDT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN TẮT THÀNH

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM HỌC 2024 - 2025

(Thời điểm báo cáo ngày 01 tháng 06 năm 2025)

I. THÔNG TIN CHUNG.

1. Tên nhà trường (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có).

Tên trường: Trường Trung học cơ sở Nguyễn Tất Thành

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của nhà trường

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân phố 1, phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Điện thoại:

Thư điện tử: c2nguyentatthanhgn.daknong@moet.edu.vn

Trang thông tin điện tử: <https://c2nguyentatthanhgn.edu.vn>

3. Loại hình của nhà trường, cơ quan quản lý trực tiếp:

- Trường trung học cơ sở Nguyễn Tất Thành là loại hình trường công lập do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập và trực tiếp quản lý.
- Trường THCS Nguyễn Tất Thành thuộc loại trường hạng I theo QĐ số 1015/QĐ-UBND, ngày 15/6/2024 của UBND thành phố Gia Nghĩa về việc xếp hạng trường mầm non, phổ thông công lập thuộc UBND thành phố Gia Nghĩa.
- Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân thành phố Gia Nghĩa.
- Nguồn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và kinh phí cho chi thường xuyên của trường chủ yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường.

4.1. Sứ mệnh

Tạo dựng một môi trường học tập thân thiện, an toàn, có kỷ cương, tình thương trách nhiệm, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, phát huy tính sáng tạo, có kỹ năng sống, biết thích ứng, phát triển tối đa phẩm chất và năng lực cá nhân, trở thành những công dân có ích, góp phần xây dựng quê hương đất nước.

4.2. Tầm nhìn.

- Tiếp tục củng cố và duy trì vị thế của nhà trường là một trong những đơn vị có phong trào và chất lượng giáo dục cao của thành phố, là địa chỉ tin cậy để các bậc cha mẹ học sinh tin tưởng gửi gắm con em mình học tập, rèn luyện, góp phần xây dựng quê hương đất nước.

- Đến năm 2030, công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, đạt kiểm định chất lượng mức độ 3; phấn đấu đạt được 1 số tiêu chuẩn mức 4 kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục.

4.3. Mục tiêu.

- Xây dựng và phát triển nhà trường đáp ứng yêu cầu giáo dục của địa phương, đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; nâng cao chất lượng giáo dục theo hướng đạt chuẩn chất lượng giáo dục THCS; củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục. Để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập và phát triển toàn diện, có khả năng tiếp tục học lên THPT hoặc đi vào cuộc sống lao động.

- Để đáp ứng được các yêu cầu đó, nhà trường phải tập trung thực hiện các mục tiêu chiến lược sau:

- + Đổi mới công tác quản lý và quản trị nhà trường.
- + Xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên.
- + Đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của từng học sinh.
- + Chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng học sinh giỏi; khuyến khích học sinh nghiên cứu khoa học, vận dụng lý thuyết vào thực tiễn; chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh.
- + Xây dựng văn hóa nhà trường.
- + Huy động các nguồn lực phát triển nhà trường.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường.

Trường THCS Nguyễn Tất Thành được thành lập năm 2003, theo Quyết định số 25/QĐ-UB ngày 13/02/2003 của UBND huyện Đắk Nông, trường được tách ra từ trường PTCS Nguyễn Thị Minh Khai. Ban đầu trường được xây dựng ở khối 8 thị trấn Gia Nghia, huyện Đắk Nông, tỉnh Đắk Lắk. Năm 2006 trường chuyển đến vị trí hiện nay, tổ dân phố 1, phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghia, tỉnh Đắk Nông.

Hiện nay trường có quy mô hạng 1 với 36 lớp, cơ sở vật chất ngày càng khang trang đáp ứng đầy đủ các điều kiện dạy và học.

Phương châm: Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực. Mỗi ngày đến trường là một ngày vui. Đảm bảo môi trường lành mạnh, thân thiện, an toàn, tạo điều kiện để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân, giúp học sinh hình thành và phát

triển những nhân tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực.

Trải qua 20 năm xây dựng và phát triển, vượt qua bao khó khăn, thiếu thốn, nhà trường đã khẳng định được vị trí quan trọng của mình. Nhiều lần Chủ tịch UBND Tỉnh Bằng khen và nhận cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Họ tên: Trần Thị Thu Hiền
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Tổ dân phố 1, phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.
- Số điện thoại: 0847355979

7. Tổ chức bộ máy:

7.1. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của nhà trường

- Quyết định số 25/QĐ-UB ngày 13/02/2003 của UBND huyện Đắk Nông.
- Tên trường THCS Nguyễn Tất Thành.

7.2. Quyết định công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường và danh sách thành viên Hội đồng trường:

- Quyết định số 1352/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 của UBND thành phố Gia Nghĩa về việc thành lập Hội đồng trường Trường THCS Nguyễn Tất Thành, nhiệm kỳ 2022-2027;

- Danh sách thành viên Hội đồng trường:

1	Bà Trần Thị Thu Hiền	Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng	Chủ tịch HD
2	Bà Khúc Thị Dinh	P Bí thư chi bộ, P Hiệu trưởng	P Chủ tịch HD
3	Ông Nguyễn Đình Dương	Phó Hiệu trưởng-CTCD	Thành viên
4	Thầy Ngô Đức Đại	TKHD	Thành viên
5	Ông Đinh Trọng Hưng	Tổng PTD	Thành viên
6	Bà Trần Thị Nhật Lệ	BTCD	Thành viên
7	Bà Quế Thị Thảo	Tổ trưởng CM	Thành viên
8	Bà Nguyễn Thị Hoài Thu	Tổ trưởng CM	Thành viên
9	Ông Bùi Anh Quán	Tổ trưởng CM	Thành viên
10	Bà Phan Thị Hạnh	Tổ trưởng CM	Thành viên
11	Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Tổ trưởng CM	Thành viên
12	Bà Lê Thị Dung	Tổ trưởng VP	Thành viên
13	Ông Võ Hoài Phú	PCT Phường Nghĩa Trung	Thành viên
14	Ông Trần Hoài Anh	Trưởng Ban đại diện	Thư ký
15	Em Trần Thị Bảo Anh	Đại diện học sinh	Thành viên

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường:

a. Hiệu trưởng: **Trần Thị Thu Hiền**

Quyết định số /QĐ-UBND ngày 14/2/2023 của UBND thành phố Gia Nghĩa về việc điều động, bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý và giữ chức vụ Phó hiệu trưởng trường THCS Nguyễn Tất Thành trong thời hạn 5 năm, kể từ ngày 10/2/2023.

b. Phó Hiệu trưởng: **Khúc Thị Đình**

Quyết định số 1936/QĐ-UBND ngày 9/8/2023 của UBND thành phố Gia Nghĩa về việc điều động, bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý và giữ chức vụ Phó hiệu trưởng trường THCS Nguyễn Tất Thành trong thời hạn 5 năm, kể từ ngày 10/8/2023.

c. Phó Hiệu trưởng: **Nguyễn Đình Dương**

Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 5/3/2021 của UBND thành phố Gia Nghĩa về việc điều động, bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý và giữ chức vụ Phó hiệu trưởng trường THCS Nguyễn Tất Thành trong thời hạn 5 năm, kể từ ngày 10/3/2021.

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường; sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường;

a. Cơ cấu tổ chức nhà trường:

- Hội đồng trường gồm 15 thành viên. Chủ tịch HD: Trần Thị Thu Hiền.
- Hiệu trưởng: Trần Thị Thu Hiền.
- 02 Phó Hiệu trưởng: Nguyễn Đình Dương, Khúc Thị Đình.
- Hội đồng thi đua khen thưởng;
- Hội đồng kỷ luật;
- Hội đồng tư vấn;
- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam: Chi bộ gồm 44 đảng viên trực thuộc Đảng bộ phường Nghĩa Trung.
- Tổ chức Công đoàn: Gồm 59 công đoàn viên. Chủ tịch công đoàn cơ sở: Nguyễn Đình Dương.
- Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: Gồm 15 đoàn viên. Bí thư chi Đoàn: Trần Thị Nhật Lệ.
- Tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh: Liên Đội gồm 36 Chi Đội với 1.657 Đội viên. Tổng phụ trách Đội: Đinh Trọng Hưng.
- 06 tổ chuyên môn:
 - + Tổ Toán - Tin: Gồm 14 thành viên. Tổ trưởng: Nguyễn Thị Hải.
 - + Tổ Khoa học tự nhiên: Gồm 7 thành viên. Tổ trưởng: Nguyễn Thị Thanh Thảo.
 - + Tổ Ngữ văn: Gồm 9 thành viên. Tổ trưởng: Nguyễn Thị Hoài Thu.
 - + Tổ Tiếng Anh: Gồm 6 thành viên. Tổ trưởng: Phan Thị Hạnh.
 - + Tổ NK-Nghệ thuật: Gồm 8 thành viên. Tổ trưởng: Quế Thị Thảo.
 - + Tổ KHXH: Gồm 7 thành viên. Tổ trưởng: Bùi Anh Quán.

- Tổ văn phòng: Gồm 08 thành viên. Tổ trưởng: Lê Thị Dung.

- Lớp học: Gồm 36 lớp học với 1.643 học sinh

b. Chức năng, nhiệm vụ:

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế-xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

7.5. *Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường.*

Họ tên	Chức vụ	Điện thoại	Email
Trần Thị Thu Hiền	Hiệu trưởng	047355979	Thuhiengianghia.2277@gmail.com
Khúc Thị Dinh	P. Hiệu trưởng	0852374999	dinhkhucntt@gmail.com
Nguyễn Đình Dương	P. Hiệu trưởng	0886006111	Duongchauntt.gianghia@gmail.com

Phân công trách nhiệm:

a. Trần Thị Thu Hiền - Hiệu trưởng.

*** Nhiệm vụ chung.**

- Xây dựng, tổ chức bộ máy nhà trường;

- Thực hiện các quyết nghị của Hội đồng trường được quy định tại khoản 3 Điều 20 được ban hành tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT;

- Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

- Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định;

- Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên; thực hiện việc tuyển dụng giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động; tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

- Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh và quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

- Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường;

- Thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường;

- Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; thực hiện công khai đối với nhà trường;

- Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật;

- Trực tiếp giảng dạy 2 tiết/tuần, tổ chức việc thực hiện chế độ làm việc và tạo điều kiện cho giáo viên thực hiện chế độ làm việc theo được quy định tại Thông tư 28/2009/TT-BGDĐT; Thông tư 15/2017/TT-BGDĐT.

**** Nhiệm vụ phụ trách trực tiếp.***

- Công tác tổ chức, tư tưởng chính trị; Quản lý và điều hành mọi hoạt động của nhà trường; triệu tập và chủ tọa các phiên họp của nhà trường; tổ chức chỉ đạo triển khai các chủ trương của Đảng, Nhà nước và các cấp tới CBQL, GV, NV, học sinh toàn trường,

- Phụ trách công tác Tổ chức, Tài chính, Thi đua - Khen thưởng - Kỷ luật;

- Xây dựng các quy chế, quy định của nhà trường;

- Xây dựng kế hoạch dài hạn, kế hoạch năm, tháng, tuần của nhà trường, tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học;

- Thực hiện công tác thanh, kiểm tra nội bộ của đơn vị, CSVC;

- Phụ trách công tác công khai, xã hội hóa;

- Chỉ đạo các tổ chức, đoàn thể hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ;

- Quản lý hồ sơ CBQL, GV, NV;
- Công tác XMC-PCGD, GD hướng nghiệp, công tác Y tế học đường và các tổ chức đoàn thể (Đoàn, Đội, Chữ thập đỏ, Khuyến học...),
- Trực tiếp ký duyệt kế hoạch của các tổ chức đoàn thể, kế hoạch chuyên môn của nhà trường; các văn bản gửi các cấp, các ngành và các văn bản khác liên quan đến hoạt động nhà trường,
- Quản trị mạng (phụ trách chính website nhà trường)
- Chịu trách nhiệm trước UBND thành phố, Phòng GDĐT Gia Nghĩa về toàn bộ hoạt động của nhà trường.

b. Phó Hiệu trưởng

*** *Nhiệm vụ chung.***

- Thực hiện và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về nhiệm vụ được Hiệu trưởng phân công;
- Cùng với Hiệu trưởng chịu trách nhiệm trước cấp trên về phần việc được giao;
- Thay mặt Hiệu trưởng điều hành hoạt động của nhà trường khi được Hiệu trưởng uỷ quyền;
- Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.
- Trực tiếp giảng dạy 4 tiết/tuần, tổ chức việc thực hiện chế độ làm việc và tạo điều kiện cho giáo viên thực hiện chế độ làm việc theo được quy định tại Thông tư 28/2009/TT-BGDĐT; Thông tư 15/2017/TT-BGDĐT.

*** *Nhiệm vụ phụ trách trực tiếp.***

Phó Hiệu trưởng: Khúc Thị Dinh.

Tham mưu với Hiệu trưởng và trực tiếp chỉ đạo các công việc cụ thể sau:

TT	Nội dung công việc
1	Xây dựng kế hoạch chỉ đạo công tác chuyên môn.
2	Phối hợp trong phân công nhiệm vụ cho CB, GV, NV.
3	Xếp thời khóa biểu.
4	Quản lý, kiểm tra hoạt động chuyên môn của các tổ Ngữ Văn, Tiếng anh, tổ NK-NT
5	Công tác thiết bị, thí nghiệm
6	Chỉ đạo công tác làm và sử dụng đồ dùng dạy học.
7	Công tác Thư viện
8	Công tác ôn tập, hỗ trợ học sinh yếu, kém, thi lại.
9	Công tác hội giảng.
10	Công tác khảo thí (<i>Thi, kiểm tra...</i>)
11	Công tác thống kê, báo cáo.
12	Hồ sơ giáo dục đối với học sinh khuyết tật.
13	Các cuộc thi.
14	Công tác PCGD-XMC

15	Kiểm tra, phê duyệt Sổ ghi đầu bài các lớp, Sổ báo giảng giáo viên, phê duyệt học bạ học sinh khối 7,9
16	Chịu trách nhiệm và hoàn thiện hồ sơ xét tốt nghiệp của học sinh
17	Quản lý các hoạt động chuyên môn, dạy học tự chọn,
18	Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể.

Phó Hiệu trưởng: Nguyễn Đình Dương

Tham mưu với Hiệu trưởng và trực tiếp chỉ đạo các công việc cụ thể sau:

TT	Nội dung công việc
1	Xây dựng kế hoạch, quản lý chỉ đạo công tác CSVC.
2	Phối hợp trong phân công nhiệm vụ cho CB, GV, NV.
3	Quản lý, kiểm tra hoạt động chuyên môn của các tổ Toán-Lý, Tổ KIITN, tổ VP.
4	Công tác nghiên cứu khoa học, viết và áp dụng sáng kiến kinh nghiệm.
5	Phụ trách hệ thống VnEdu.
6	Công tác y tế học đường
7	Công tác an ninh trật tự nhà trường
8	Công tác ôn tập, hỗ trợ học sinh yếu, kém, thi lại.
9	Công tác thống kê, báo cáo.
10	Hoạt động VII-VN, TDDT, các cuộc thi ngoài chuyên môn.
11	Phụ trách website nhà trường
12	Công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường chuẩn QG
13	Kiểm tra, phê duyệt Sổ ghi đầu bài các lớp, Sổ báo giảng giáo viên, phê duyệt học bạ học sinh khối 8,9
14	Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể.
15	Quản lý, tổ chức các hoạt động NGLL, trải nghiệm, ngoại khóa

8. Các văn bản khác của nhà trường:

- Chiến lược phát triển của nhà trường;
- Quy chế dân chủ ở cơ sở của nhà trường;
- Các nghị quyết của hội đồng trường;
- Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính;
- Kế hoạch và thông báo tuyển dụng của nhà trường và các quy định, quy

chế nội bộ khác.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN.

1. Tình hình đội ngũ

TT	Nội dung	Tổng Số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp				BDTX	
			T S	Th s	Đ H	CD	T C	Dướ i TC	Hạn g III	Hạn g II	Hạng I	Tốt	Khá	Đ	CD	HT	Chưa HT
	Tổng số GV, Cán bộ quản lý,NV	59		3	54	1	1		15	40		55				55	
I	Giáo viên. Trong	52		1	51	1			15	37		52				52	

	nhìn)		
7	Bình quân lớp/phòng học	1	
8	Bình quân học sinh/lớp	46	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	29.400	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	4.500	
VI	Tổng diện tích các phòng	2.485	
1	Diện tích phòng học (m ²)	45	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	60	
3	Diện tích thư viện (m ²)	70	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	120	
5	<i>Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m²)</i>	45	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	4	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	3	
1.1	Khối lớp 6	1	1
1.2	Khối lớp 7	1	1
1.3	Khối lớp 8	0	0
1.4	Khối lớp 9	1	1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp ...	0	0
2.2	Khối lớp ...	0	0
2.3	Khối lớp 8	1	0
2.4	Khối lớp ...	0	0
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	0
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	78	12.2HS/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	Số thiết bị/lớp	
1	Ti vi	3	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	06-May	
5	Thiết bị khác...		

	Nội dung	Số lượng (m2)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Giáo viên nam		Giáo viên nữ		Học sinh nam		Học sinh nữ	
		Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1	4.2	1	4.2	2	100.5	2	100.5
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

2. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được các cơ quan thẩm quyền phê duyệt

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA THEO CHƯƠNG TRÌNH MỚI			
STT	Tên sách	Số lượng (Bản)	Giá trị còn sử dụng
SGK LỚP 6			

1	Giáo dục thể chất 6	7	Tốt
2	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp 6	6	Tốt
3	Tin học 6	6	Tốt
4	Âm nhạc 6	9	Tốt
5	Lịch sử và địa lí 6	6	Tốt
6	Ngữ văn 6 Tập 1	8	Tốt
7	Ngữ văn 6 Tập 2	8	Tốt
8	Khoa học tự nhiên 6	8	Tốt
9	Toán 6 Tập 1	8	Tốt
10	Toán 6 Tập 2	7	Tốt
11	GDCD 6	8	Tốt
12	Công nghệ 6	10	Tốt
13	MĨ THUẬT 6	8	Tốt
14	Giáo dục địa phương tỉnh Đắk Nông Lớp 6	12	Tốt
	TỔNG	111	
	SGK LỚP 7		
1	Giáo dục thể chất 7	5	Tốt
2	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp 7	5	Tốt
3	Tin học 7	6	Tốt
4	Âm nhạc 7	5	Tốt
5	Lịch sử và địa lí 7	5	Tốt
6	Ngữ văn 7 Tập 1	5	Tốt
7	Ngữ văn 7 Tập 2	5	Tốt
8	Khoa học tự nhiên 7	5	Tốt
9	Toán 7 Tập 1	5	Tốt
10	Toán 7 Tập 2	5	Tốt
11	GDCD 7	5	Tốt
12	Giáo dục địa phương tỉnh Đắk Nông Lớp 7	12	Tốt
13	MĨ THUẬT 7	1	Tốt
	TỔNG	69	
	SGK LỚP 8		
1	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 8	10	Tốt
2	Âm nhạc 8	3	Tốt
3	Công nghệ 8	3	Tốt
4	Khoa học tự nhiên 8	5	Tốt
5	Giáo dục thể chất 8	3	Tốt
6	Tin học 8	3	Tốt
7	Mĩ thuật 8	3	Tốt

8	Toán 8 T1	5	Tốt
9	Toán 8 T2	5	Tốt
10	Ngữ văn 8 T1	5	Tốt
11	Ngữ văn 8 T2	5	Tốt
12	Lịch sử và Địa lí 8 (CTST) 2024	5	Tốt
	TỔNG	55	
SGK LỚP 9			
1	Ngữ văn 9/1 (KNTT)2024	5	Tốt
2	Ngữ văn 9/2 (KNTT)2024	5	Tốt
3	Toán 9/1 (CTST) 2024	5	Tốt
4	Toán 9/2 (CTST) 2024	5	Tốt
5	Tin học 9 (KNTT) 2024	5	Tốt
6	Âm nhạc 9 (KNTT) 2024	5	Tốt
7	Công nghệ 9 CHIẾ BIÊN THỰC PHẨM (KNTT) 2024	5	Tốt
8	Giáo dục thể chất 9 (KNTT) 2024	5	Tốt
9	Khoa học tự nhiên 9 (KNTT) 2024	2	Tốt
10	Lịch sử và Địa lí 9 (KNTT) 2024	5	Tốt
11	Giáo dục công dân 9 (cánh diều)	5	Tốt
12	Mĩ thuật 9 bản 1 (CTST) 2024	5	Tốt
13	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9 bản 1 (CTST) 2024	10	Tốt
14	Tiếng anh 9 Righton sách học sinh 2024	5	Tốt
	TỔNG	72	
DANH MỤC SÁCH NGHIỆP VỤ THEO CHƯƠNG TRÌNH MỚI			
STT	Tên sách	Số lượng (Bản)	Giá trị sử dụng
SÁCH NGHIỆP VỤ LỚP 8			
1	Tiếng anh Right on 8	5	Tốt
2	BT Lịch sử và Địa lí phần Lịch sử 8	3	Tốt
3	BT Lịch sử và Địa lí phần Địa lí 8	3	Tốt
4	BT Tin học 8	3	Tốt
6	BT Âm nhạc 8	3	Tốt
7	BT Công nghệ	3	Tốt
8	BT Khoa học tự nhiên lớp 8	5	Tốt
9	BT Toán 8 T1	5	Tốt

10	BT Toán 8 T2	5	Tốt
11	BT Ngữ văn 8 T1	5	Tốt
12	BT Ngữ văn 8 T2	5	Tốt
13	BT Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp 8	5	Tốt
14	BT Mỹ thuật 8	3	Tốt
Tổng		53	

SÁCH NGHIỆP VỤ LỚP 9

1	BT Ngữ văn 9/1 (KNTT)2024	5	Tốt
2	BT Ngữ văn 9/2 (KNTT)2024	5	Tốt
3	BT Âm nhạc 9 (KNTT) 2024	5	Tốt
4	BT Tin học 9 (KNTT) 2024	2	Tốt
5	BT Lịch sử và Địa lí 9 - Phần Lịch sử (KNTT) 2024	5	Tốt
6	BT Lịch sử và Địa lí 9 – Phần Địa lí (KNTT) 2024	5	Tốt
7	BT Giáo dục công dân 9 (cánh diều)	5	Tốt
8	BT Mỹ thuật 9 bản 1 (CTST) 2024	2	Tốt
9	BT Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9 bản 1 (CTST) 2024	10	Tốt
10	BT Tiếng anh 9 Righton 2024	5	Tốt
TỔNG		49	

DANH MỤC SÁCH GIÁO VIÊN THEO CHƯƠNG TRÌNH MỚI

STT	Tên sách	Số lượng (Bản)	Giá trị còn sử dụng
SÁCH GV LỚP 7			
1	Ngữ văn 7 tập 1	6	Tốt
2	Ngữ văn 7 tập 2	6	Tốt
3	Toán 7	6	Tốt
4	Tin học 7	6	Tốt
5	Giáo dục thể chất 7	6	Tốt
6	Âm nhạc 7	6	Tốt
7	Lịch sử và địa lí 7	5	Tốt
8	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp 7	5	Tốt
9	Khoa học tự nhiên 7	4	Tốt
TỔNG		50	
SÁCH GV LỚP 8			

1	Âm nhạc 8	3	Tốt
2	Toán 8	3	Tốt
3	Giáo dục thể chất	3	Tốt
4	Ngữ văn 8 T1	3	Tốt
5	Ngữ văn 8 T2	3	Tốt
6	Công nghệ 8	3	Tốt
7	Khoa học tự nhiên 8	3	Tốt
8	Tin học 8	3	Tốt
9	Lịch sử và Địa lí 8	3	Tốt
10	Mĩ thuật 8	3	Tốt

TỔNG

30

SÁCH GV LỚP 9

1	Ngữ văn 9/1 SGK (KNTT)2024	5	Tốt
2	Ngữ văn 9/2 SGK (KNTT)2024	5	Tốt
3	Tin học 9 SGK (KNTT) 2024	1	Tốt
4	Âm nhạc 9 SGK (KNTT) 2024	1	Tốt
5	Giáo dục thể chất 9, SGK(KNTT) 2024	5	Tốt
6	Khoa học tự nhiên 9, SGK(KNTT) 2024	5	Tốt
7	Giáo dục công dân 9, SGK (cánh diều)	5	Tốt
8	Mĩ thuật 9 bản 1, SGK (CTST) 2024	5	Tốt
9	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9 bản 1, SGK (CTST) 2024	10	Tốt
10	Tiếng anh 9 Righton SGK 2024	1	Tốt

TỔNG

43

DANH MỤC SÁCH THAM KHẢO HIỆN CÓ TẠI THƯ VIỆN

(Đối với sách theo dõi theo số cá biệt ghi trên sổ)

STT	Tên sách	Số lượng (Bản)	Giá trị còn sử dụng
SÁCH THAM KHẢO LỚP 6			
1	Định hướng phát triển năng lực Toán 6 T1	5	Tốt
2	Định hướng phát triển năng lực Toán 6 T2	5	Tốt
3	Phân loại và giải chi tiết các dạng bài tập Toán 6 T1	5	Tốt
4	Phân loại và giải chi tiết các dạng bài tập Toán 6 T2	5	Tốt
5	Hướng dẫn học và giải các dạng bài tập Toán 6T1	5	Tốt
6	Hướng dẫn học và giải các dạng bài tập Toán 6T2	5	Tốt

7	270 Đề và bài văn hay 6	5	Tốt
8	Phát triển kỹ năng đọc hiểu và viết văn bản Văn 6	5	Tốt
9	Bồi dưỡng Ngữ văn 6	5	Tốt
10	Những bài làm văn mẫu 6	5	Tốt
11	Hướng dẫn học và làm bài Ngữ văn 6 T1	5	Tốt
12	Hướng dẫn học và làm bài Ngữ văn 6 T2	5	Tốt
13	Hướng dẫn trả lời câu hỏi và bài tập địa lí 6	5	Tốt
14	Đề kiểm tra đánh giá địa lí 6	5	Tốt
15	Hướng dẫn trả lời câu hỏi và bài tập Lịch sử 6	5	Tốt
16	Đề kiểm tra đánh giá Lịch sử 6	5	Tốt
	TỔNG	80	
SÁCH THAM KHẢO LỚP 7			
1	Phát triển trí thông minh Toán 7	5	Tốt
2	Đề kiểm tra Toán 7	5	Tốt
3	Hướng dẫn học và giải các dạng bài tập Toán 7 T1	5	Tốt
4	Hướng dẫn học và giải các dạng bài tập Toán 7 T2	5	Tốt
5	Toán 7 cơ bản và nâng cao tập 1	5	Tốt
6	Toán 7 cơ bản và nâng cao tập 2	5	Tốt
7	Phân loại và giải chi tiết các dạng bài tập Toán 7 T1	5	Tốt
8	Phân loại và giải chi tiết các dạng bài tập Toán 7 T2	5	Tốt
9	Phương pháp giải bài tập Toán 7 T1	5	Tốt
10	Phương pháp giải bài tập Toán 7 T2	5	Tốt
11	Định hướng phát triển năng lực Toán 7 T1	5	Tốt
12	Định hướng phát triển năng lực Toán 7 T2	5	Tốt
13	Hướng dẫn học và làm bài Ngữ văn 7 T1	5	Tốt
14	Hướng dẫn học và làm bài Ngữ văn 7 T2	5	Tốt
15	Bồi dưỡng Ngữ văn 7	5	Tốt
16	Phát triển kỹ năng đọc hiểu và viết văn bản Văn 7	5	Tốt
	TỔNG	80	

SÁCH THIẾU NHI

STT	Tên sách	Số lượng Bản)	(Giá trị còn sử dụng
1	Mùa xuân ngốc nghếch	1	Tốt
2	Khúc mắc tuổi dậy thì	1	Tốt
3	Nguyệt san của tớ	1	Tốt
4	Dậy thì thành công	1	Tốt
5	Bạn gái bạn trai	1	Tốt
6	Yêu mình đủ bạn có cả thế giới	3	Tốt
7	Truyện cô HMông	4	Tốt
8	Đôi bàn tay khéo léo của cha ông	4	Tốt
9	Chàng rắn trắng	3	Tốt
10	Cây Pác Pét	4	Tốt
11	Trước mùa mưa bão	2	Tốt
12	Gương sáng đội viên	3	Tốt
13	Phò mã ếch ương	3	Tốt
14	Hương rừng thơm đồi vắng	4	Tốt
15	Cuộc đời nghệ sĩ Xu Man	4	Tốt
16	A Dun và Y Nun	3	Tốt
17	Con Bon Bi	3	Tốt
18	Cỏ cây với con người	3	Tốt
19	Con trâu sừng cánh ná	4	Tốt
20	Ngựa mất cánh	2	Tốt
21	Trong lời mẹ ru	3	Tốt
22	Người vẽ chân dung Bác Hồ	3	Tốt
23	Niềm vui của A Sua	2	Tốt
24	Cắm nang phòng chống đuối nước	4	Tốt
25	Cắm nang giao thông an toàn	4	Tốt
26	Nữ thần BLÂN HIẾT	3	Tốt
27	Người lính điện biên kể chuyện	2	Tốt
28	Sơn Tùng ánh sáng tâm đấng giữa đời	3	Tốt
29	Nguyễn Minh Châu	2	Tốt
30	Nghề sư phạm	2	Tốt
31	Nghề báo	3	Tốt

A N
 NG
 CÔ
 THÀNH
 ĐO

32	5 nghề kĩ thuật	4	Tốt
33	Ngành phát triển phần mềm	4	Tốt
34	Nghề bộ đội	1	Tốt
35	Ngành xuất bản	1	Tốt
36	Ngành du lịch	1	Tốt
37	Ngành lọc hóa dầu	1	Tốt
38	Nghề phục chế	1	Tốt
39	Ngành công an	1	Tốt
40	Dưới gốc đa thần	2	Tốt
41	Vườn quốc gia bạch mã	2	Tốt
42	Vũ Hùng sao sao	3	Tốt
43	Nghề ọ ời	4	Tốt
44	Vườn quốc gia Kon Ka Kinh	3	Tốt
45	Vườn quốc gia phong nha kê bàng	3	Tốt
46	Dưới tán lá rừng	4	Tốt
47	Làn da khóc đẹp	6	Tốt
48	Cô nàng giỏi giang ở PHJA SLEN	4	Tốt
49	Chuyện kể về thầy trò thời xưa	2	Tốt
50	Tiếng vọng rừng xanh	4	Tốt
51	Sự tích táo quân	2	Tốt
52	Mùa xuân và những đứa trẻ chăn bò	4	Tốt
53	Xuất hiện và biến mất	2	Tốt
54	Ca dao, dân ca tà ôi	03	Tốt
55	Hoa sau kê lá	03	Tốt
56	Hiện tài là nguyên khí quốc gia	04	Tốt
57	Đàn vịt bơi qua sông	04	Tốt
58	Chuyện kể về Lý Tự Trọng	02	Tốt
59	Truyện cổ hà nhi	02	Tốt
60	Ngọn núi có người biết bay	03	Tốt
61	Tây nguyên của tôi	02	Tốt
62	Hoa của bản làng	04	Tốt
63	Thăng cô	04	Tốt
64	Vô Quảng- nhà văn của tuổi thơ, nhà thơ...	09	Tốt

65	Bài ca phía chân trời	03	Tốt
66	Mùa hoa Bjooc phạ	04	Tốt
67	Vật báu hồ gươm	03	Tốt
68	Chú sếu vương miện	03	Tốt
69	Bí mật rừng yok đôn	02	Tốt
70	Chuyện hay về toán học	02	Tốt
71	Vườn đất thánh	03	Tốt
72	Chuyện của Nội	02	Tốt
73	Hải đại bàng	03	Tốt
74	Nghìn xưa văn hiến	03	Tốt
75	Bột mì vĩnh cửu	03	Tốt
76	Những câu chuyện rẻo cao	04	Tốt
77	Tôi kể em nghe chuyện trường sa	03	Tốt
78	Đôi bạn bên sông bô	02	Tốt
79	Sáng Lim	03	Tốt
80	Y ban và Alóc	03	Tốt
81	Hai chị em Ji Bawawek và Ji Bay	02	Tốt
82	Phố phường Hà Nội	04	Tốt
83	Những truyện đường rừng thú vị	03	Tốt
84	Ba chú kiến con	02	Tốt
85	Lý Công Uân	03	Tốt
86	Từ mái đình Hồng thái đến .. Ba đình	02	Tốt
87	Những bông điệp cuối mùa	03	Tốt
88	Ngày hôm qua	02	Tốt
89	Những người săn hổ	04	Tốt
90	Tay chị tay em	03	Tốt
91	Bên bờ thiên mạc	03	Tốt
92	Độc chiêu PR	02	Tốt
93	Đường về bản	04	Tốt
94	Lên rừng xuống biển	04	Tốt
95	Một cuộc đi săn	04	Tốt
96	Chuối hạt cườm màu xám	03	Tốt
97	Đường về với mẹ chữ	05	Tốt
98	Cô bé nhỏ như mắt lá	05	Tốt

99	Chuyện con suối mừng tiên	04	Tốt
100	Lửa sáng trong sương	03	Tốt
101	Thực vật tahro cầm viên	04	Tốt
102	Sống trên đá	02	Tốt
103	Mùa săn ở Na Le	02	Tốt
104	Thú rừng Tây Nguyên	02	Tốt
105	Dấu chân trong rừng	02	Tốt
106	Truyện cổ thái	04	Tốt
107	Kí ức xôn xao	03	Tốt
108	Lươn thần và cậu bé nghèo khổ	03	Tốt
109	Chàng đam thí	02	Tốt
110	Bên kia sông đuông	05	Tốt
111	Đuốc không đốt không sáng	03	Tốt
112	Ngạt ngào xa xăm	03	Tốt
113	Lăng Bác Hồ	02	Tốt
114	An dương vương	03	Tốt
115	Ngô Vương Quyền	02	Tốt
116	Gặp Bác	02	Tốt
117	Mùa sa nhân	04	Tốt
118	Dân ca Hmông	03	Tốt
119	Điện súy thượng tướng Phạm Ngũ Lão	03	Tốt
120	Những ánh sao xanh	04	Tốt
121	Cánh diều tuổi thơ	04	Tốt
122	Đường lên hạnh phúc	02	Tốt
123	Những cỗ máy kỳ diệu	02	Tốt
124	Chuyện kì thú trong thế giới sinh vật	02	Tốt
125	Dấu ấn tuổi thơ	02	Tốt
126	Người mẹ cầm súng	02	Tốt
127	Thả diều ở xứ nắng	04	Tốt
128	Từ mũi hào vọng đến thảo cầm viên	02	Tốt
129	Lính trường sơn kể chuyện trường sơn	02	Tốt
130	Phía sau đỉnh khai khoáng	03	Tốt
131	Vườn quốc gia Hoàng Liên	03	Tốt
132	Vườn quốc gia Yok don	03	Tốt

133	Chờ những mùa trăng đi	04	Tốt
134	Đường hoa vạn dặm	03	Tốt
135	Sự thật về tôi	03	Tốt
136	Mỏng mảy hay hạt	02	Tốt
137	Tuổi thơ kiếm sống	02	Tốt
138	Cuộc phiêu lưu trên nước lũ	02	Tốt
139	Kể cho bé nghe	03	Tốt
140	Đảo vàng	02	Tốt
141	Bên nhà rồng- có thể bạn chưa biết	02	Tốt
142	Tiếng hú giữa rừng đêm	02	Tốt
143	Trò chơi dân gian của em Hmông	02	Tốt
144	Đứa con của làng chài	04	Tốt
145	Nếu chúng mình có phép lạ	03	Tốt
146	Dân tộc gié triêng	03	Tốt
147	Dân tộc cơ tu	02	Tốt
148	Dân tộc Việt	03	Tốt
149	Dân tộc chăm	04	Tốt
150	Dân tộc sán diu	04	Tốt
151	Dân tộc sán cháy	03	Tốt
152	Dân tộc cơ ho	04	Tốt
153	Dân tộc pà thên	04	Tốt
154	Dân tộc Lự	03	Tốt
155	Dân tộc La hủ	04	Tốt
156	Dân tộc cơ	03	Tốt
157	Dân tộc chơ ro	03	Tốt
158	Dân tộc Bru vân kiều	04	Tốt
159	Dân tộc Hà nhì	04	Tốt
160	Dân tộc Công	04	Tốt
161	Dân tộc ơ đu	04	Tốt
162	Dân tộc Hmông	04	Tốt
163	Dân tộc Khơ mú	03	Tốt
164	Dân tộc Gia rai	03	Tốt
165	Dân tộc chứt	05	Tốt
166	Dân tộc mạ	04	Tốt

167	Dân tộc bố y	04	Tốt
168	Dân tộc Rơ măm	04	Tốt
169	Dân tộc Hrê	04	Tốt
170	Dân tộc Lào	04	Tốt
171	Dân tộc Êđê	04	Tốt
172	Dân tộc ngái	04	Tốt
173	Dân tộc La ha	03	Tốt
174	Dân tộc Kháng	04	Tốt
175	Dân tộc mảng	04	Tốt
176	Dân tộc Brâu	04	Tốt
177	Dân tộc hoa	03	Tốt
178	Dân tộc nùng	02	Tốt
179	Dân tộc dao	05	Tốt
180	Dân tộc la chí	03	Tốt
181	Dân tộc phù lá	02	Tốt
182	Dân tộc Pu póc	04	Tốt
183	Dân tộc khơ me	04	Tốt
184	Dân tộc chu ru	04	Tốt
185	Dân tộc lô lô	04	Tốt
186	Dân tộc giáy	02	Tốt
187	Dân tộc cơ lao	04	Tốt
188	Đăm pen	01	Tốt
189	Tổng hoa cúc trần	01	Tốt
190	Vườn quốc gia cát tiên	02	Tốt
191	Vườn quốc gia cát bà	02	Tốt
192	Bác Hồ với những người con các dân tộc	01	Tốt
193	Tiếng kêu cứu nơi hoang dã	01	Tốt
194	Ngày em vào đội	04	Tốt
195	Tổ quốc nơi đầu sóng	02	Tốt
196	Cùng nhau ta đi lên	02	Tốt
197	Trò chơi dân gian cho thiếu nhi	04	Tốt
198	Sapa thành phố trong mây	02	Tốt
199	Dùng cảm đối mặt với khó khăn	02	Tốt

200	Cha mẹ không phải người đầy tớ của tôi	02	Tốt
201	Nghìn xưa văn hiến	04	Tốt
202	Cái ông phốc và trái banh chuối	04	Tốt
203	Dấu lạng của rừng	02	Tốt
204	Vị thánh trên bực giảng	02	Tốt
205	Đứa con của loài cây	04	Tốt
206	Trộm vịt	51	Tốt
207	Shin- cậu bé bút chì T21	02	Tốt
208	Shin- cậu bé bút chì T22	01	Tốt
209	Shin- cậu bé bút chì T7	01	Tốt
210	Shin- cậu bé bút chì T47	01	Tốt
211	Shin- cậu bé bút chì T16	01	Tốt
212	Cô tiên xanh - thương mẹ	01	Tốt
213	Doraemon T14	03	Tốt
214	Doraemon T15	01	Tốt
215	Doraemon T5	01	Tốt
216	Doraemon T28	01	Tốt
217	Doraemon T45	01	Tốt
218	Trạng quỳnh- Con nuôi quan huyện	01	Tốt
219	Trạng quỳnh- Thầy pháp hết thời	01	Tốt
220	Bóng chày T6	01	Tốt
221	Bóng chày T7	01	Tốt
222	Bóng chày T8	01	Tốt
223	Bóng chày T15	01	Tốt
224	12 Dũng sĩ T12	02	Tốt
225	13 Dũng sĩ T12	01	Tốt
226	Không bao giờ thất bại, tất cả là thử thách	01	Tốt
227	Sáu người bạn đồng hành - ở hồ Berre	01	Tốt
228	Sáu người bạn đồng hành - cô học sinh vũ ba lê	01	Tốt
229	Sáu người bạn đồng hành - Ma trận	01	Tốt
230	Sáu người bạn đồng hành -Chiếc đàn đại dương cầm	01	Tốt
231	Sáu người bạn đồng hành - Pin nguyên tử	01	Tốt

232	Sáu người bạn đồng hành - Điều xi gà bay	01	Tốt
233	Sáu người bạn đồng hành - Con lừa xanh	01	Tốt
234	Sáu người bạn đồng hành - Bí mật vũng đá dựng	01	Tốt
235	Sáu người bạn đồng hành - Bí ẩn máy thời miên	01	Tốt
236	Cô gái lấy chồng tiên	01	Tốt
237	Kể chuyện Bác Hồ	01	Tốt
238	Mê mết lười	01	Tốt
239	Ở hiền gặp lành	01	Tốt
240	Công chúa ngủ trong rừng	01	Tốt
241	Nguyễn Khánh Toàn	01	Tốt
242	Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh	01	Tốt
243	TANYA CHIẾN KÍ	01	Tốt
244	Tôi được gặp Bác Hồ	01	Tốt
TỔNG		144	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

1.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

1.1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Nội dung không đạt
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường					
Tiêu chí 1.1		x	x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x	
Tiêu chí 1.4		x	x	x	
Tiêu chí 1.5		x	x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x		
Tiêu chí 1.8		x	x		
Tiêu chí 1.9		x	x		
Tiêu chí 1.10		x	x		
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh					
Tiêu chí 2.1		x	x	x	
Tiêu chí 2.2		x	x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x	x	
Tiêu chí 2.4		x	x	x	

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học					
Tiêu chí 3.1		x	x	x	
Tiêu chí 3.2		x	x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	x	
Tiêu chí 3.4		x	x		
Tiêu chí 3.5			x	x	
Tiêu chí 3.6			x	x	
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội					
Tiêu chí 4.1			x	x	
Tiêu chí 4.2			x	x	
Tiêu chuẩn 5					
Tiêu chí 5.1			x	x	
Tiêu chí 5.2			x	x	
Tiêu chí 5.3			x		
Tiêu chí 5.4			x		
Tiêu chí 5.5			x	x	
Tiêu chí 5.6			x	x	

1.1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Nội dung đã đạt
	Không đạt	Đạt	
Tiêu chí 1		x	

Tiêu chí 2	x		
Tiêu chí 3	x		
Tiêu chí 4		x	
Tiêu chí 5		x	
Tiêu chí 6		x	

Kết luận: Phân đầu duy trì giữ kiểm định chất lượng giáo dục: 02.

1.2. *Đánh giá theo Chuẩn quốc gia:* Phân đầu duy trì giữ Chuẩn quốc gia Mức độ 02.

2. Kế hoạch cải tiến.

2.1. Năm học 2024-2025

Thực hiện phát triển chiến lược nhà trường giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến 2030, các kế hoạch chiến lược hằng năm, kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn. Đảm bảo tốt việc quản lý hành chính, học chính và tài chính;

Tích cực đổi mới công tác dạy học, tổ chức các hoạt động giáo dục nâng cao năng lực cá nhân từng học sinh. Đổi mới công tác bồi dưỡng giáo viên, chú trọng việc tự học, tự bồi dưỡng của giáo viên và bồi dưỡng nâng cao năng lực và dạy và học Tiếng Anh;

Tham mưu, đề xuất với các cấp, các ngành đầu tư thêm cơ sở vật chất cho nhà trường đáp ứng yêu cầu trường chuẩn Quốc gia giữ (cấp độ 2) và để đảm bảo đáp ứng dạy và học cũng như tổ chức các hoạt động giáo dục khác; Xây thêm nhà để xe học sinh, tu sửa tường rào để đáp ứng nhu cầu và các điều kiện cho dạy và học, từng bước đầu tư trang thiết bị dạy học để đáp ứng yêu cầu đổi mới;

Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng 2 mặt giáo dục của học sinh. Thực hiện hiệu quả đổi mới chương trình giáo dục phổ thông (Lớp 6, 7, 8,9).

Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, đề nghị Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT kiểm tra, tư vấn.

2.2. Nội dung thực hiện những năm tiếp theo.

Tiếp tục quan tâm bồi dưỡng đội ngũ, phát huy vai trò nòng cốt để nhân rộng tấm gương điển hình nhằm phát huy năng lực của người dạy. Tạo điều kiện để giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng chuẩn, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học.

Đảm bảo tốt các chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và các chế độ chính sách cho học sinh.

Tiếp tục tham mưu, đề xuất với các cấp, các ngành sớm hoàn thiện thêm cơ sở vật chất cho nhà trường đảm bảo để duy trì trường chuẩn.

Phát huy tối đa sự tham gia của cộng đồng và cha mẹ học sinh vào tất cả các hoạt động của nhà trường để nâng cao chất lượng. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng 2 mặt giáo dục của học sinh. Tiếp tục triển khai và thực hiện hiệu quả việc rút kinh nghiệm đổi mới chương trình giáo dục phổ thông

2018 của lớp 6, 7, 8,9.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Căn cứ vào hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Sở GD&ĐT Đắk Nông, Phòng GD&ĐT thành phố Gia Nghĩa và các văn bản chỉ đạo của ngành, nhà trường đã xây dựng kế hoạch cụ thể cho năm học, học kỳ và từng tuần công khai để CBGV, NV được biết, thực hiện. Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo, đảm bảo thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường.

Nhà trường tiếp tục chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, tuyên truyền trong nhân dân về việc đổi mới chương trình GDPT 2018. Chủ động chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để thực hiện theo lộ trình, đồng thời chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể triển khai đến cán bộ, giáo viên và các bậc phụ huynh nhà trường.

Để đảm bảo chất lượng giáo dục, Nhà trường đã triển khai và tiến hành công tác tự đánh giá kết quả thực hiện chương trình giáo dục bên trong nhà trường nhằm đưa ra các quyết định điều chỉnh hướng tới đạt kết quả đã đặt ra.

Năm học 2024-2025, nhà trường, tổ chuyên môn chuẩn bị nội dung tốt hơn để tổ chức sinh hoạt chuyên môn đảm bảo chất lượng theo hướng nghiên cứu bài học, đi sâu trao đổi chuyên môn; mỗi thành viên xây dựng đóng góp, sáng kiến, giải pháp để đổi mới trong việc nâng cao chất lượng giáo dục; tăng cường tổ chức hoạt động chuyên môn, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chỉ đạo hoạt động của tổ chuyên môn một cách phù hợp, sát thực tế bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho tổ viên, tạo điều kiện để giáo viên trao đổi, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau nâng cao tay nghề.

Nhà trường tiếp tục đổi mới công tác quản lý giáo dục; tăng cường biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục học sinh. Các hoạt động ngoại khóa về văn nghệ, thể thao, giáo dục kỹ năng sống cũng đã được lồng ghép thường xuyên vào các chủ đề giáo dục ngoài giờ lên lớp. Từ đó, chất lượng giáo dục của nhà trường đã nâng cao, kết quả học tập, rèn luyện của học sinh ngày càng tốt hơn, tỷ lệ học sinh xếp loại học lực giỏi đạt theo quy định, học sinh yếu kém giảm dần, hạnh kiểm khá, tốt đạt 99,94%.

1. Thông tin tuyển sinh:

Số hs tuyển sinh đầu cấp lớp 6 năm học 2024-2025: 461 hs

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I.1	Số học sinh chia theo kết quả hạnh kiểm (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TTBGDDT	0	0	0	0	0

	ngày 12/12/2011)					
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
I.2	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	1636	459	479	386	312
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1537 96,15%	433 94,34%	463 96,66%	382 98,96%	295 94,55%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	62 3,79%	26 5,66%	16 3,34%	04 1,04%	16 5,13%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	01 0,06%	0 0,00%	00 0,00%	0 0,00%	1 0,32%
4	Chưa Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0 0,00%	0 0,00%	0 0,00%	0 0,00%	0 0,00%
II.1	Số học sinh chia theo kết quả học tập (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011)	0	0	0	0	0
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
II.2	Số học sinh chia theo kết quả học tập (áp dụng đối	1636	459	479	386	312

	với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)					
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	398 24,33%	111 24,18%	112 23,38%	107 21,59%	68 21,79%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	765 46,76%	198 43,14%	239 49,90%	169 43,78%	159 50,96%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	450 27,51%	133 28,98%	124 25,89%	108 27,98%	85 27,24%
4	Chưa Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	23 1,41%	17 3,07%	4 0,84%	2 0,52%	0 0,00%
III.	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)					
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	398 24,33%	111 24,18%	112 23,38%	107 21,59%	68 21,79%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	765 46,76%	198 43,14%	239 49,90%	169 43,78%	159 50,96%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	23 1,41%	17 3,07%	4 0,84%	2 0,52%	0 0,00%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	8/42	0/6	0/16	2/11	6/9
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các					

	kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	107	35	33	39	
2	Cấp tỉnh/thành phố	18			2	16
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					312
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					312
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					68 21,79%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					159 50,96%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					85 27,24%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	901/738	262/197	207/227	215/171	169/143
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	123	35	25	34	29

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH.

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2024

a. Nguồn ngân sách

Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG/NGUỒN CHI	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG (1)	126.380	0
DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO (2)	9.975.523.000	393.085.000
DỰ TOÁN BỔ SUNG (3)	1.585.500.000	705.294.000
DỰ TOÁN GIÁM (4)		124.337.000
DỰ TOÁN THU (1+2+3-4)	11.561.149.38	1.098.379.00
DỰ TOÁN CHI	11.561.149.380	974.042.000

1. Tiền lương	5.786.653.000	
2. Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	51.624.000	511.450.000
3. Phụ cấp lương	3.560.073.000	
4. Các khoản phụ cấp		
5. Tiền thưởng	13.150.000	336.090.000
6. Phụ cấp làm thêm giờ		
7. Phúc lợi tập thể	63.173.000	
8. Các khoản đóng góp	1.610.104.842	78.402.000
9. Thanh toán dịch vụ công	70.055.549	
10. Vật tư văn phòng	46.597.778	
11. Thông tin liên lạc	10.635.989	
12. Công tác phí	18.900.000	
13. Chi phí thuê mướn	30.000.000	
14. Sửa chữa, duy trì tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các cơ sở hạ tầng	77.988.000	
15. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	150.671.111	
16. Mua sắm tài sản vô hình	3.000.000	
17. Chi khác	68.523.000	
18. Chi đảm bảo xã hội		
19. Chi hỗ trợ học tập		15.600.000
20. Hỗ trợ tết nguyên đán		32.500.000
DỰ TOÁN CÒN LẠI		
CHUYỂN SANG NĂM 2025		0
KINH PHÍ HUỖ		

b. Nguồn dịch vụ:

STT	Chỉ tiêu	Tổng số	Quỹ Thuê người dọn khu vực nhà vệ sinh dành cho học sinh	Quỹ ứng dụng công nghệ thông tin trong trao đổi thông tin liên lạc giữa nhà	Quỹ Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp đối với giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	Quỹ công tác kiểm tra, đánh giá học sinh của nhà trường (kinh phí mua giấy phục vụ công tác kiểm tra, thi, tiền photo đề kiểm tra, đề thi....)
-----	----------	---------	--	---	--	--

				trường và phụ huynh học sinh		
	Tồn năm học 2023 - 2024	19.876.00 0	8.459.00 0		1.240.000	10.177.000
1	Doanh thu hoạt động SXKD, dịch vụ (31/12/202 4)	268.895.0 00	82.260.0 00	59.435.0 00	81.500.000	45.700.000
2	Chi phí quản lý của hoạt động SXKD, dịch vụ	101.322.0 00	51.200.0 00		50.122.000	
	Tồn chuyển qua kỳ II năm học 2024 - 2025	187.449.0 00	39.519.0 00	59.435.0 00	32.618.000	55.877.000

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn

giảm học phí đối với người học thuộc diện hưởng chính sách xã hội năm học 2024 -2025

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Đối tượng được miễn giảm học phí	11		
Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập : Theo Nghị định số 81/2021/ND-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ	11	6.600.000	
Học kỳ I năm học 2024 - 2025	11	6.600.000	

3. Công khai các khoản thu năm học 2023 - 2024 và dự kiến năm học 2024 - 2025

ST T	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	Năm học 2023 - 2024			

1	Học phí	đồng/học sinh/năm học	315.000	Nghị quyết 24
2	Quỹ Thuê người dọn khu vực nhà vệ sinh dành cho học sinh	đồng/học sinh/năm học	90.000	Nghị quyết 06
3	Quỹ ứng dụng công nghệ thông tin trong trao đổi thông tin liên lạc giữa nhà trường và phụ huynh học sinh	đồng/học sinh/năm học	50.000	Nghị quyết 06
4	Quỹ Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp đối với giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	đồng/học sinh/năm học	50.000	Nghị quyết 06
5	Quỹ công tác kiểm tra, đánh giá học sinh của nhà trường (kính phí mua giấy phục vụ công tác kiểm tra, thi, tiền photo đề kiểm tra, đề thi....)	đồng/học sinh/năm học	50.000	Nghị quyết 06
6	Đội	đồng/học sinh/năm học	45.000	Theo quy định
7	BHYYT	đồng/học sinh/năm học	583.200	Theo quy định
II	Năm học 2024 - 2025			
1	Học phí	đồng/học sinh/năm học	315.000	Nghị quyết 04
2	Quỹ Thuê người dọn khu vực nhà vệ sinh dành cho học sinh	đồng/học sinh/năm học	90.000	Nghị quyết 06
3	Quỹ ứng dụng công nghệ thông tin trong trao đổi thông tin liên lạc giữa nhà trường và phụ huynh học sinh	đồng/học sinh/năm học	65.000	Nghị quyết 06
4	Quỹ Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp đối với giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	đồng/học sinh/năm học	50.000	Nghị quyết 06
5	Quỹ công tác kiểm tra, đánh giá học sinh của nhà trường (kính phí mua giấy phục vụ công tác kiểm tra, thi, tiền photo đề kiểm tra, đề thi....)	đồng/học sinh/năm học	50.000	Nghị quyết 06
6	Đội	đồng/học sinh/năm học	45.000	Theo quy định
7	BHYYT	đồng/học sinh/năm học	758.160	Theo quy định

4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc đến ngày 31/12/2024

ST T	Nội dung	DVT	Số tiền	Ghi chú
I	Số tiền quỹ tiền mặt	đồng	23.674.000	
II	Số dư tiền gửi kho bạc	đồng	74.400.100	
III	Số dư tiền gửi tại ngân hàng HD	đồng	178.401.273	

IV	Số dư tiền gửi tại ngân hàng BIDV	đồng	35.175.281
----	-----------------------------------	------	------------

5. Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2025

STT	Nội dung	Dự toán thu năm 2025	Dự toán chi 6 tháng đầu năm 2025
1	2	3	4
A	Dự toán chi ngân sách nhà nước	14.455.701.000	
1	Kinh phí nghiệp vụ thường xuyên	13.435.361.000	5.611.858.901
	1. Tiền lương		2.774.176.000
	2. Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		22.180.000
	3. Phụ cấp lương		1.701.442.600
	4. Các khoản phụ cấp		
	5. Tiền thưởng		41.300.000
	6. Phụ cấp làm thêm giờ		
	7. Phúc lợi tập thể		
	8. Các khoản đóng góp		803.079.000
	9. Thanh toán dịch vụ công		12.121.303
	10. Vật tư văn phòng		58.899.000
	11. Thông tin liên lạc		2.503.998
	12. Công tác phí		15.700.000
	13. Chi phí thuê mướn		6.050.000
	14. Sửa chữa, duy trì tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các cơ sở hạ tầng		7.600.000
	15. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		99.250.000
	16. Mua sắm tài sản vô hình		4.980.000
	17. Chi khác		62.577.000
2	Kinh phí không thường xuyên	1.020.000.000	
	Hỗ trợ chi phí học tập	25.650.000	
	Chi trợ cấp tết Nguyên đán	29.500.000	29.500.000
	Chi hợp đồng theo Nghị quyết 42	965.190.000	497.910.000

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém.

1.1. Công tác phát hiện bồi dưỡng học sinh giỏi.

Thực hiện Công văn số: 40/CV-PGDDĐT ngày 12/9/2024 của Phòng giáo dục DT thành phố Gia Nghĩa về việc tổ chức các kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 9 năm học 2024-2025.

- Công tác bồi dưỡng đội tuyển HSG hàng năm được nhà trường đặc biệt quan tâm. Việc tổ chức bồi dưỡng đội tuyển HSG được BGH nhà trường lên kế hoạch phân công cụ thể và tiến hành triển khai nghiêm túc theo kế hoạch. GV được phân công dạy là những giáo viên có năng lực, có kinh nghiệm và tâm huyết, không đòi hỏi sự thù lao nào.

- Phân công giáo viên có năng lực trình độ chuyên môn chuyên sâu bồi dưỡng.

- Xây dựng kế hoạch từ đầu năm học. Phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu trong các môn học. Hàng tuần có lịch bồi dưỡng cụ thể. coi trọng công tác bồi dưỡng HSG là mũi nhọn.

1.2. Giúp đỡ học sinh yếu kém.

- Công tác giúp đỡ học sinh yếu luôn được quan tâm đúng mức trong các tiết dạy, buổi dạy, nâng cao chất lượng dạy học, học thật, chất lượng thật được đánh giá qua kỳ kiểm tra.

- Chất lượng đại trà duy trì ổn định.

2. Công tác triển khai thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá, giáo dục định hướng STEM.

2.1. Việc đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

- Triển khai Công văn của Sở GDĐT, phòng GDĐT về việc Hướng dẫn thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, giáo dục định hướng STEM trong nhà trường phổ thông năm học 2024-2025.

- Thực hiện sự chỉ đạo của Phòng Giáo dục Đào tạo nhà trường đã tập huấn về chuyên môn cho tất cả các giáo viên ngay từ đầu năm. Tích cực đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Giúp HS tự tìm tòi phát hiện và tìm ra kiến thức cần nắm vững, tích cực sử dụng thiết bị dạy học, phiếu học tập... góp phần đem lại hiệu quả dạy học. Thực hiện chuyên đề cấp Thành phố được đánh giá cao.

- Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề kiểm tra 1 tiết, cuối học kì, cuối năm học theo ma trận và viết câu hỏi phục vụ ma trận đề. Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận hoặc trắc nghiệm) theo 4 mức độ yêu cầu nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao. Căn cứ vào mức độ phát triển năng lực của học sinh, giáo viên và nhà trường xác định tỉ lệ các câu hỏi, bài tập theo 4 mức độ yêu cầu trong các bài kiểm tra trên nguyên tắc đảm bảo sự phù hợp với đối tượng học sinh và tăng dần tỉ lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ yêu cầu vận dụng, vận dụng cao.

- Sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; đổi mới nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu nội dung bài giảng, tập trung thảo luận các chuyên đề, nội dung khó của môn học hoặc những phương pháp dạy học, cách

thức tổ chức lớp học hiệu quả cho các nội dung đó. Chỉ đạo tổ chuyên môn lồng ghép nội dung này trong sinh hoạt cụm, chuyên đề các cấp.

* *Những tồn tại hạn chế:* Một số giáo viên còn chưa tích cực đổi mới kiểm tra đánh giá. Vì vậy còn ảnh hưởng đến chất lượng nói chung.

2.2. Công tác giáo dục STEM

* *Công tác chỉ đạo.*

- Nhằm thúc đẩy việc triển khai công tác giáo dục về STEM trong chương trình GDPT mới, thời gian qua, nhà trường đã lan tỏa chương trình tập huấn STEM cho GV. Chương trình tập huấn nhằm cung cấp cho giáo viên phương pháp hỗ trợ học sinh nâng cao kiến thức chuyên môn và liên môn, phát triển tư duy, kỹ năng làm việc nhóm cũng như cá nhân trong quá trình học tập.

- Xây dựng Kế hoạch ngay từ đầu năm cho tổ chuyên môn. Yêu cầu mỗi giáo viên lập kế hoạch bộ môn có sự phê duyệt của BGH.

* *Kết quả đã đạt:* Trong năm học qua nhà trường đã chỉ đạo lên lớp các tiết dạy học STEM. Đặc biệt xây dựng tham gia có hiệu quả Ngày hội Stem cấp trường, cấp thành phố,

* *Những tồn tại hạn chế:* Còn một số bộ phận GV ngại đổi mới chưa mạnh dạn thực hiện triển khai công tác này.

3. Về việc triển khai, thực hiện cuộc thi Toán và KHTN bằng tiếng Anh.

* *Công tác chỉ đạo.*

Thực hiện Công văn của Sở giáo dục đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức cuộc thi Toán và KHTN bằng tiếng Anh, nhà trường đã nghiêm túc triển khai tới GV và HS toàn trường.

- Khuyến khích học sinh trung học nghiên cứu, sáng tạo khoa học, công nghệ, kỹ thuật, vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn cuộc sống;

- Góp phần thúc đẩy đổi mới hình thức tổ chức và phương pháp dạy học, đổi mới hình thức và phương pháp đánh giá kết quả học tập, phát triển năng lực học sinh, nâng cao chất lượng dạy học trong các cơ sở giáo dục trung học;

- Tạo cơ hội để học sinh trung học giới thiệu kết quả nghiên cứu, sáng tạo khoa học, kỹ thuật của mình;

* *Kết quả đã đạt:* Có 05 sản phẩm dự thi NCKHKT trong đó 5 giải cấp thành phố và 02 giải KK cấp tỉnh.

4. Công tác Giáo dục đạo đức lối sống

* *Công tác chỉ đạo.*

- Nhà trường triển khai nghiêm túc Công văn về Hướng dẫn triển khai công tác Giáo dục an toàn giao thông cấp THCS và THPT.

- Chỉ đạo các tổ chức đoàn thể trong nhà trường tham gia giao thông một cách an toàn không để xảy ra tình trạng vi phạm. Tuyên truyền thực hiện công trường không để ùn tắc, bán hàng, tụ tập đông người. Xây dựng Kế hoạch cụ thể trong năm học, ký kết giao ước đầu năm học.

- Tích cực tuyên truyền nội dung này cho GV và HS. Lồng ghép nội dung đạo đức, lối sống trong các môn học như GDCD, MT, AN, NV có hiệu quả. Tổ chức các chuyên đề HDGDNGLL, tham gia cuộc thi ANGT vì Nụ cười ngày mai... **Kết quả đã đạt:* Trong năm học qua không có tình trạng HS bị thương tích vì tai nạn giao thông.

**Những tồn tại hạn chế:* Một số phụ huynh còn chưa ý thức cao trong vận động nhắc nhở phối hợp cho HS khi tham gia giao thông, còn để HS đi xe tùy tiện.

5. Công tác tuyên truyền.

- Tuyên truyền, giáo dục cho thiếu nhi thực hiện nghiêm túc nề nếp, kỷ cương học đường, ý thức chấp hành pháp luật, phòng chống các tệ nạn xã hội, giữ gìn trật tự an toàn giao thông qua các chuyên đề giáo dục kỹ năng sống như: Nói không với bạo lực học đường và xâm hại trẻ em; Chăm sóc sức khỏe vị thành niên; Phổ biến luật An toàn giao thông; Kỹ năng khai thác, sử dụng Internet phục vụ nhu cầu học trực tuyến và giải trí an toàn, hiệu quả; Kỹ năng phòng chống đuối nước, tai nạn thương tích, cứu hộ cứu nạn; Tuyên truyền tác hại của thuốc lá, thuốc lá điện tử.

- Phối hợp với Trung tâm kiểm soát dịch bệnh tỉnh tuyên truyền về vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Phối hợp với đội cảnh sát PCCC&CNCH công an thành phố tổ chức nhiều đợt tuyên truyền cho CB, GV, NV, HS về kiến thức, kỹ năng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả mô hình công trường an toàn giao thông. Và nhiều hoạt động phong phú khác...

6. Công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh

* *Công tác chỉ đạo.*

- Tiếp tục triển khai các Kế hoạch về thực hiện công tác hướng nghiệp và phân luồng HS sau tốt nghiệp THCS năm học 2024-2025.

- Giáo dục cho HS niềm yêu lao động và ý thức đúng đắn với nghề nghiệp phù hợp với thực tiễn của địa phương. Đổi mới nội dung và phương thức GD như cho HS tăng cường hoạt động trải nghiệm...Lồng ghép thông qua việc dạy tích hợp với các bài dạy ở tất cả các bộ môn.

* *Kết quả đã đạt:* Cơ bản trang bị cho HS những kiến thức kỹ năng lao động cần thiết khi HS hết lớp 9 có thể tham gia lao động sản xuất.

* *Những tồn tại hạn chế:* Việc tuyên truyền nội dung này còn chưa sâu rộng, chưa đa dạng.

7. Việc thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường

* *Công tác chỉ đạo.*

Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá học sinh; sử dụng các phần mềm ứng dụng dạy học nhằm nâng cao chất lượng bài giảng, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường.

* *Kết quả đã đạt:* Đảm bảo đủ các loại hồ sơ, đảm bảo tính pháp lý, cập nhật thông tin thường xuyên.

* *Những tồn tại hạn chế:* Do tình trạng thiếu giáo viên nhiều nên phân công còn chông chéo công việc, không chuyên sâu ảnh hưởng khó khăn trong công tác chỉ đạo.

8. Kết quả thành tích đạt được.

8.1. HSG các cấp

* *Kết quả cuộc thi học sinh giỏi lớp 9*

- Học sinh giỏi lớp 9 cấp TP: 38 em.

- Học sinh giỏi lớp 9 cấp TP: 18 em

* *Cuộc thi CVDC toàn cầu:* Đạt giải cấp tỉnh 19 sản phẩm (6 giải nhất).

* *KHKT:* 5 sản phẩm cấp TP, 2 sản phẩm đạt giải cấp tỉnh.

* *Các cuộc thi khác:* “Hội Xuân Toán học THCS tỉnh Đắk Nông 2025”.

Các cuộc thi qua mạng...

8.2. Hoạt động từ thiện, nhân đạo:

- Quyên góp ủng hộ đồng bào miền Bắc bão số 3: **71.150.000** đồng.

- Tổng số tiền tổ chức quyên góp ủng hộ “Hội Người mù”: **11.461.000** đồng.

- Phong trào “nuôi heo đất” tặng quà cho học sinh khó khăn trị giá: **35.520.000** đồng.

- Phát động phong trào công đoàn trích từ tiền lương của CBGV-NV đóng góp hàng tháng nuôi 5 em học sinh có hoàn cảnh khó khăn tổng số tiền: **1000.000** đồng/em/năm học.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm học 2024 - 2025 của trường THCS Nguyễn Tất Thành, nhà trường công khai đến Lãnh đạo, Cha mẹ học sinh, đội ngũ CBGV-NV nhà trường để nắm bắt và tiếp tục hỗ trợ nhà trường thực hiện tốt tiếp tục các nhiệm vụ giáo dục trong năm học 2025 - 2026.

Nơi nhận

- Bảng tin thông báo Nhà trường.
- Đăng trên trang web đơn vị.
- Lưu VT.



Trần Thị Thu Hiền